

Bản án số: 133/2017/ HN-ST  
Ngày: 11-8-2017  
“V/v Ly hôn giữa chị T và anh N”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HÀI**

2. Ông **MÃ THANH TRUNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không có tham gia.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông **NGUYỄN VĂN E** - Hội viên Hội luật gia tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **BÙI TẤN N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ Đ, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

( Các đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Do sự mai mối và sắp đặt của gia đình chị và anh N tiến đến hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên đi nhậu, chửi mắng vợ và cha mẹ vợ, đập phá đồ đạc trong nhà, không quan tâm đến vợ con. Anh chị đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay.

Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Bùi Kim Ng, sinh ngày 03/9/2007 hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Con chung chị yêu cầu nuôi, không cần cấp dưỡng.

- **Bị đơn anh Bùi Tân N bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:** Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình tiến đến hôn nhân, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn vào năm 2015 khi vợ chồng ra ở riêng thì hay cãi nhau, anh không có thường xuyên đi nhậu và cũng không có chửi cha mẹ vợ, có đôi lúc do bức xúc anh có đập phá đồ trong nhà. Anh không đồng ý ly hôn chị T. Nếu Tòa xử cho ly hôn thì về con chung anh yêu cầu được nuôi cháu Kim Ng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- **Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn ông Nguyễn Văn E trình bày:** Hôn nhân giữa chị T và anh N thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Về con chung hiện chị T đang nuôi dưỡng, chị T cũng có công việc ổn định. Tài sản chung, nợ chung không có. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh N, con chung giao chị T nuôi, không cần cấp dưỡng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh N tiến đến hôn nhân năm 2006, đến năm 2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn. Do anh chị khi tiến đến hôn nhân không có thời gian tìm hiểu nhau kỹ dẫn đến sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống được thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân với nhau do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã. Chị T đã từng nộp đơn xin ly hôn anh N năm 2016 nhưng đã rút đơn. Tuy nhiên sau đó anh chị vẫn tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T xác định chị không còn tình cảm gì với anh N mong được ly hôn. Chị T cung cấp Tòa án đơn xin xác nhận trong đó có xác nhận của người ở cạnh nhà và xác nhận của trưởng ấp nơi cư trú thì giữa chị T và anh N hiện giờ không còn sống chung. Hơn nữa từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến nay mặc dù anh chị đã được động viên đoàn tụ nhưng phía chị T và anh N vẫn không hàn gắn đoàn tụ được. Tại phiên tòa anh N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Bùi Kim Ng sinh ngày 03/9/2007 hiện do chị T nuôi dưỡng từ lúc ly thân. Cả chị T và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, hiện tại cháu Ng đang sống chung chị T, cháu vẫn phát triển bình thường. Bản thân chị T cũng có việc làm và thu nhập ổn định. Đồng thời qua làm việc với cháu Ng dù cháu mong muốn cha mẹ sống chung nhưng nếu cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống cùng mẹ. Tại phiên tòa anh N cũng thừa nhận cháu Ng có tình cảm với chị T nhiều hơn. Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung, hơn nữa cháu Ng là con gái cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ hơn cho nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Kim Ng cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chỉ T không có yêu cầu N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị T cũng phù với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Bùi Tấn N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi cháu Bùi Kim Ng sinh ngày 03/9/2007. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07073 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;

- VKSND huyện Cái Bè;

- Chi cục THADS huyện Cái Bè;

- UBND nơi đăng ký kết hôn;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**TRẦN TÚ ANH**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 8 năm 2017  
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Tú Anh**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông  
Bà

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 447/ 2017 /TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về “ Tranh chấp xin ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ KIM THOA**, sinh năm 1988.  
Địa chỉ: Tô 10, ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **BÙI TẤN NHỰT**, sinh năm 1989.  
Địa chỉ: Tô 10, ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.  
( Các đương sự có mặt)

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau:  
Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Thoa.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim Thoa được ly hôn với anh Bùi Tấn Nhựt.
2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Kim Thoa được quyền nuôi cháu Bùi Kim Ngân sinh ngày 03/9/2007. Anh Nhựt không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nhựt được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Thoa phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07073 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 50 phút, ngày 11 tháng 8 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN VĂN HÀI- MÃ THANH TRUNG**

**TRẦN TÚ ANH**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.